**CHƯƠNG I**

c - Ans QN=9 Quan điểm nào cho rằng sự phát triển chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về mặt

lượng, không có sự thay đổi về chất

a. Quan điểm duy vật b. Quan điểm duy tâm **c. Quan điểm siêu hình**

c - Ans QN=20 Tác phẩm nào được xem là đánh dấu cho sự chín muồi về tư tưởng xã hội chủ nghĩa của C.Mác và Ăng-ghen

a. Gia đình thần thánh (1842)

b. Hệ tư tưởng Đức (1842)

**c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)**

a - Ans QN=31 Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời dựa trên bao nhiêu tiền đề

**a. Ba tiền đề** b. Bốn tiền đề c. Năm tiền đề d. Sáu tiền đề

b - Ans QN=40 Triết học Mác-Lênin ra đời một phần là kết quả kế thừa trực tiếp từ

a. Thế giới quan duy vật của Hêghen và phép biện chứng của Phơ bách

**b. Thế giới quan duy vật của Phơ bách và phép biện chứng của Hêghen**

c. Thế giới quan duy vật và phép biện chứng của cả Hêghen và Phơ bách d. Chủ nghĩa duy tâm của Hôn bách và biện chứng pháp của Aristốt

c - Ans QN=48 Mác đã kế thừa "hạt nhân hợp lý" trong triết học của ông để xây dựng phép biện chứng duy vật. Ông là ai?

a. Phơ bách b. Platon **c. Hê ghen**

a - Ans Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời vào khoảng thời gian nào

**a. Giữa thế kỷ XIX** b. Đầu thế kỷ XIX c. Đầu thế kỷ XX d. Cuối thế kỷ XIX

b - Ans QN=54 Khẳng định mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng do sự quy định của các lực

lượng siêu nhiên là quan điểm của

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

**b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan**

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

a - Ans QN=79 Triết học duy tâm khách quan và triết học duy tâm chủ quan đều có điểm chung là

**a. Đề cao lĩnh vực tinh thần của con người**

b. Đề cao lĩnh vực vật chất và tinh thần của con người c. Đề cao đời sống tâm linh của con người

a - Ans QN=81 Theo sự phát triển của xã hội, thứ tự phát triển của các hình thức cộng đồng trong lịch sử là

**a. Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc**

b. Thị tộc - Bộ tộc - Bộ lạc - Dân tộc

c. Dân tộc - Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc

a - Ans QN=83 Nếu quá đề cao triết học duy tâm sẽ dẫn đến

**a. Xa rời thực tế** b. Cực đoan c. Thực dụng

a - Ans QN=97 Vấn đề cơ bản của triết học gồm hai mặt đó là

**a. Bản thể luận và nhận thức luận** b. Lý luận và thực tiễn c. Tri thức và chân lý

a - Ans QN=107 Triết học duy vật biện chứng là sự thống nhất giữa

**a. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng**

b. Nhân sinh quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

c. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình

a - Ans QN=108 Theo Mác và Awnghen, vận dụng triết học của hai ông vào thực tế phải

**a. Tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể**

b. Tuy thuộc vào từng quốc gia khác nhau

c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=109 Nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là [?!]

**a. Triết học** b. Kinh tế chính trị học c. Chủ nghĩa xã hội khoa học

a - Ans QN=110 Phương pháp luận là lý luận chung về

**a. Phương pháp** b. Giải pháp c. Phương châm

b - Ans QN=117 Bản chất của triết học duy tâm như thế nào

a. Đi ngược lại với khoa học **b. Không hoàn toàn phản khoa học** c. Rất khoa học

c - Ans QN=119 Điểm chủ yếu nhất để phân biệt con người với con vật

a. Bằng cách thức kiếm sống b. Bằng ý thức **c. Các phương án trả lời đều đúng**

a - Ans QN=126 Biện chứng là phương pháp của khoa học nào sau đây

**a. Triết học** b. Đạo đức học c. Chính trị học

a - Ans QN=134 Vấn đề cơ bản của triết học là

**a. Quan hệ giữa vật chất và ý thức**

b. Quan hệ giữa khách quan và chủ quan

c. Quan hệ giữa thực tiễn và lí luận

a - Ans QN=135 Trường phái triết học đề cao lĩnh vực vật chất gọi là

**a. Triết học duy vật** b. Triết học duy tâm c. Triết học nhị nguyên

a - Ans QN=138 Chủ nghĩa Mác-Lênin gồm ba bộ phận cấu thành đó là

**a. Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học**

b. Triết học, Kinh tế chính trị học và Chính trị học

c. Triết học, Kinh tế học và Chủ nghĩa xã hội khoa học

c - Ans QN=139 Cơ sở để phân chia triết học thành các trường phái khác nhau là

a. Vấn đề cơ bản của nhận thức luận

b. Vấn đề cơ bản của phương pháp luận

**c. Vấn đề cơ bản của triết học**

a - Ans QN=140 Triết học nhị nguyên cho rằng

**a. Vật chất và ý thức đều là nguồn gốc và bản chất của thế giới**

b. Ý thức là yếu tố quyết định nguồn gốc, bản chất của thế giới

c. Con người là yếu tố quyết định nguồn gốc, bản chất của thế giới

**CHƯƠNG II**

c - Ans QN=10 Kết cấu của ý thức theo chiều dọc thì bao gồm

a. Tự ý thức, tiềm thức, vô thức

b. Tự ý thức, tri thức, tiềm thức, vô thức

**c. Các phương án trả lời đều sai**

c - Ans QN=12 Phạm trù triết học nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng, sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính làm cho nó là nó mà không phải là cái khác

a. Bước nhảy b. Lượng **c. Chất**

c - Ans QN=13 Quan điểm nào sau đây đúng nhất

a. Phạm trù là những thực thể ý niệm, tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức.

b. Phạm trù là những từ trống rỗng, do con người tưởng tượng ra, không biểu hiện một cái gì của hiện thực.

**c. Phạm trù là kết quả của quá trình nhận thức, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.**

c - Ans QN=14 Tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn phản ánh trực tiếp việc

a. Không vận dụng quy luật phủ định của phủ định

b. Không vận dụng đúng quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

**c. Không vận dụng đúng quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại**

b - Ans QN=15 Chân lý có những tính chất gì

a. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính hoàn chỉnh

**b. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính cụ thể**

c. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính phổ biến

a - Ans QN=16 Quy luật bao giờ cũng mang tính

**a. Khách quan**  b. Chủ quan

c. Cả khách quan và chủ quan d. Các phương án trả lời đều sai

c - Ans QN=17 Ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin được thể hiện:

a. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất

b. Cho phép xác định cái gì là vật chất trong lĩnh vực xã hội

**c. Các phương án trả lời đều đúng**

b - Ans QN=18 Cách thức của sự phát triển là

a. Đấu tranh của các mặt đối lập để giải quyết mâu thuẫn

**b. Sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại**

c. Hai lần phủ định

a - Ans QN=19 Đấu tranh của hai mặt đối lập là

**a. Sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau.**

b. Sự tác động lẫn nhau giữa hai mặt đối lập theo khung hướng biện chứng

c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=22 Theo Ăng-ghen, có thể chia vận động thành:

**a. Bốn hình thức vận động cơ bản**

b. Năm hình thức vận động cơ bản

c. Sáu hình thức vận động cơ bản

b - Ans QN=23 Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật được gọi là

a. Nội dung **b. Bản chất**  c. Hiện tượng

b - Ans QN=24 Quan điểm nào góp phần khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn

a. Quan điểm lịch sử cụ thể **b. Quan điểm toàn diện** c. Quan điểm phát triển

c - Ans QN=25 Quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể và quan điểm phát triển được ra ra từ

a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

b. Nguyên lý về sự phát triển

**c. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật**

a - Ans QN=26 Mối liên hệ có những tính chất gì cơ bản

**a. Khách quan, phổ biến, đa dạng**

b. Khách quan, phổ biến, biện chứng

c. Khách quan, phổ biến, liên tục

c - Ans QN=27 Vật chất là tất cả những gì

a. Tồn tại một cách cụ thể, có thể nhìn thấy

b. Tồn tại vô hình, thần bí ở bên ngoài thế giới khách quan

**c. Tồn tại ở bên ngoài ý thức, được ý thức con người phản ánh**

b - Ans QN=30 Phát triển là quá trình

a. Tiến lên theo đường vòng khép kín

b. Tiến lên theo đường quanh co khúc khuỷu, thăng trầm, phức tạp

c. Quá trình tiến lên theo đường thẳng tắp

c - Ans QN=32 Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa nội dung, và cũng không có nội dung nào lại không tồn tại trong những hình thức xác định. Quan điểm này thể hiện

a. Vai trò quyết định của nội dung đối với hình thức

b. Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung

**c. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức**

b - Ans QN=33 Giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học khác có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mối quan hệ đó là

a. Quan hệ giữa bản chất và hiện tượng

**b. Quan hệ giữa cái chung và cái riêng**

c. Quan hệ giữa nội dung và hình thức

a - Ans QN=34 Mối liên hệ nhân quả có các tính chất cơ bản nào sau đây

**a. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng.**

b. Tính khách quan, tính phổ biến, kế thừa.

c. Tính khách quan, tính phổ biến, tính tất yếu.

c - Ans QN=35 Theo quan điểm của Triết học Mác-Lênin, có thể định nghĩa về vật chất như sau:

a. Vật chất là những chất tạo nên vũ trụ

b. Vật chất là tồn tại khách quan

**c. Vật chất là thực tại khách quan**

c - Ans QN=36 Chọn quan điểm đúng nhất trong các quan điểm sau đây:

a. Vận động là phương thức tồn tại của vật chất

b. Không gian, thời gian là những phương thức tồn tại của vật chất

**c. Vận động, không gian, thời gian là những phương thức tồn tại của vật chất**

b - Ans QN=37 Định nghĩa vật chất của Lênin được viết trong tác phẩm:

a. Bút ký triết học

**b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán**

c. Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản

a - Ans QN=38 Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng tồn tại biệt lập, tách rời nhau

**a. Quan điểm siêu hình** b. Quan điểm biện chứng c. Các phương án trả lời đều sai

b - Ans QN=39 Quan hệ giữ vai trò quyết định đối với những quan hệ khác trong quan hệ giữa nguời với người của quá trình sản xuất là

a. Quan hệ phân phối sản phẩm lao động.

**b. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất.**

c. Quan hệ tổ chức, quản lý và phân công lao động.

a - Ans QN=41 Sự vật mới ra đời bao giờ cũng trên cơ sở những cái đã có của sự vật cũ, qua đó

tiến hành chọn lọc những cái tích cực, tiến bộ, phù hợp để tiếp tục phát triển. Điều này thể hiện

tính chất gì của sự phát triển

**a. Tính kế thừa** b. Tính lặp đi lặp lại c. Tính tiến lên

c - Ans QN=42 Quan điểm ủng hộ cái mới tiến bộ, chống lại cái cũ, cái lỗi thời kìm hãm sự phát triển là quan điểm được rút ra trực tiếp từ

a. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại

b. Quy luật thống nhất và quy luật đấu tranh của các mặt đối lập

**c. Quy luật phủ định của phủ định**

b - Ans QN=43 Quy luật được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật là

a. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

b. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại

c. Quy luật phủ định của phủ định

a - Ans QN=45 Phủ định biện chứng là

**a. Sự phủ định tự thân, gắn liền với quá trình vận động đi lên, tạo tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của cái mới tiến bộ thay thế cái cũ**

b. Sự phủ định có sự tác động của sự vật khác nhau

c. Các phương án trả lời đều sai

b - Ans QN=46 Khả năng được hình thành do quy luật vận động nội tại của sự vật quy định được gọi là

a. Khả năng thực tế **b. Khả năng tất nhiên**  c. Khả năng ngẫu nhiên

b - Ans QN=47 Cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức là

a. Lý luận **b. Thực tiễn**  c. Triết học

b - Ans QN=49 Thống nhất của hai mặt đối lập là

a. Sự bài trừ, gạt bỏ lẫn nhau giữa hai mặt đối lập

**b. Sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề cho sự tồn tại của mình và ngược lại.**

c. Hai mặt đối lập có tính chất, đặc điểm, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau

a - Ans QN=50 Cái tất nhiên là cái do

**a. Những nguyên nhân bên trong sự vật quy định.**

b. Những nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.

c. Cả nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.

c - Ans QN=52 Vận động là

a. Sự chuyển động của các vật thể trong không gian

b. Sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác của sự vật hiện tượng

**c. Mọi sự thay đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong không gian và thời gian**

b - Ans QN=53 Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau

a. Quan điểm siêu hình

**b. Quan điểm biện chứng**

c. Quan điểm duy tâm

b - Ans QN=55 Hình thức cao nhất của nhận thức lý tính là

a. Khái niệm **b. Suy luận**  c. Phán đoán

b - Ans QN=56 Hình thức cơ bản nhất của thực tiễn là a. Hoạt động chính trị-xã hội

**b. Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất**

c. Thực nghiệm khoa học

a - Ans QN=57 Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc được rút ra trực tiếp từ

**a. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**

b. Lý luận và nhận thức

c. Quan hệ giữa khả năng và hiện thực

a - Ans QN=59 Nội dung của mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức là

**a. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức**

b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức trong mọi trường hợp.

c. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động của con người

a - Ans QN=60 Mặt đối lập là

**a. Những mặt, yếu tố, thuộc tính, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau, cấu tạo nên sự vật**

b. Những mặt khác nhau

c. Những mặt đối chọi nhau bất kỳ

c - Ans QN=61 Tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng. Đây là quan điểm của

**a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan**

**b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**

**c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

c - Ans QN=62 Hình thức cao nhất của nhận thức cảm tính là

a. Cảm giác b. Tri giác **c. Biểu tượng**

b - Ans QN=63 Chân lý là

a. Ý kiến của những người có kinh nghiệm

**b. Sự phù hợp giữa tri thức với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm**

c. Những quan điểm thuộc về đa số

b - Ans QN=65 Hiện thực là phạm trù triết học dùng để chỉ những gì

a. Các phương án trả lời đều sai

**b. Đang tồn tại trong thực tế**

c. Sẽ xuất hiện khi hội đủ mọi điều kiện

b - Ans QN=66 Tính chất phong phú, đa dạng trong quan hệ nhân quả thể hiện ở chỗ một kết quả có thể do

a. Một nguyên nhân sinh ra

**b. Nhiều nguyên nhân khác nhau sinh ra**

c. Các phương án trả lời đều sai

c - Ans QN=67 Triết học duy vật biện chứng cho rằng thế giới thống nhất ở

a. Không gian và thời gian b. Tính tinh thần **c. Tính vật chất**

a - Ans QN=68 Triết học duy vật biện chứng cho rằng

**a. Vật chất quyết định ý thức, ý thức tác động trở lại vật chất**

b. Ý thức quyết định vật chất, vật chất tác động trở lại ý thức

c. Con người quyết đinh cả vật chất và ý thức

a - Ans QN=69 Đặc điểm của quy luật triết học mang tính **a. Chung nhất, khái quát nhất về thế giới**

b. Cụ thể nhất, chi tiết nhất về thế giới

c. Toàn diện nhất, sâu sắc nhất về thế giới

a - Ans QN=71 Thuộc tính cơ bản được Lênin rút ra trong định nghĩa phạm trù vật chất là

**a. Thực tại khách quan** b. Thực tế khách quan c. Tồn tại khách quan

a - Ans QN=72 Các nhà triết học duy vật cổ đại đã đồng nhất vật chất với

**a. Các sự vật cụ thể** b. Các khái niệm cụ thể c. Các sự kiện cụ thể

a - Ans QN=74 Nguyên lý triết học là

**a. Hệ thống quan điểm chung nhất, khái quát nhất của một học thuyết**

b. Cơ sở lý luận của một khoa học

c. Các phương án trả lời đều đúng

a - Ans QN=75 Sự phản ánh của ý thức mang tính

**a. Chủ động, tích cực và sáng tạo**

b. Khách quan kế hợp với chủ quan

c. Đơn giản gắn với trừu tượng

b - Ans QN=77 Tất nhiên là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những gì đang tồn tại và phát triển

**b. Những gì sẽ xuất hiện do nguyên nhân bên trong quyết định**

c. Những gì sẽ xuất hiện trong thực tế

a - Ans QN=78 Cặp phạm trù nguyên nhân, kết quả chỉ ra

**a. Một kết quả có thể được tạo ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau**

b. Một kết quả chỉ được tạo ra bởi một nguyên nhân cơ bản

c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=82 Cái chung chỉ tồn tại trong

**a. Cái riêng**  b. Cái đơn nhất c. Cái cụ thể

a - Ans QN=84 Nguồn gốc tự nhiên của ý thức là

**a. Thế giới vật chất và bộ não con người**

b. Toàn bộ thế giới nói chung

c. Toàn bộ thế giới vật chất

a - Ans QN=87 Khả năng là phạm trù triết học dung để chỉ những gì

**a. Sẽ tồn tại khi có đủ điều kiện**

b. Chưa xuất hiện trong thực tế

c. Các phương án trả lời đều sai

b - Ans QN=88 Trong thực tế chúng ta phải dựa vào khả năng hay hiện thực

a. Khả năng **b. Hiện thực** c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=90 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, cái riêng chỉ tồn tại trong

**a. Mối quan hệ đi đến cái chung** b. Cái chung c. Cái cụ thể

a - Ans QN=92 Chủ nghĩa duy vật biện chứng xác định tính chất quan hệ giữa hai phạm trù

nguyên và kết quả là tính

**a. Sản sinh** b. Tương tác c. Điều kiện

a - Ans QN=93 Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Mác và Ănghen chưa đưa ra định nghĩa hoàn chỉnh về phạm trù vật chất là do

**a. Trình độ phát triển của khoa học chưa ngang tầm**

b. Các phương pháp định nghĩa chưa hoàn thiện

c. Các hiện tượng xã hội chưa bộc lộ đầy đủ những tiền đề cần thiết

a - Ans QN=94 Trong lịch sử triết học, phép biện chứng có hai hình thức cơ bản đó là

**a. Phép biện chứng duy tâm và phép biện chứng duy vật**

b. Phép biện chứng chủ quan và phép biện chứng khách quan

c. Phép biện chứng cụ thể và phép biện chứng trừu tượng

a - Ans Quan điểm toàn diện được rút ra từ việc nghiên cứu nguyên lý triết học nào sau đây

**a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**

b. Nguyễn lý phát triển

c. Nguyên lý duy vật biện chứng

b - Ans QN=102 Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới

a. Hiện thực **b. Khách quan**  c. Chủ quan

c - Ans QN=103 Thực tại khách quan là

a. Những gì tồn tại xung quanh con người

b. Những gì tồn tại lệ thuộc vào ý thức của con người

**c. Những gì tồn tại không lệ phụ thuộc vào ý thức của con người**

a - Ans QN=105 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quan điểm phát triển trong xem xét và đánh giá sự vật đòi hỏi

**a. Bảo vệ cái mới, ủng hộ cái mới, đấu tranh cho cái mới nhưng không phủ định sạch trơn cái cũ**

b. Bảo vệ cái cũ, đấu tranh cho cái cũ đồng thời tạo điều kiện để cái mới ra đời và thay thế cái cũ

c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=106 Quan điểm toàn diện đồi hỏi phải xem xét và đánh giá sự vật

**a. Trong nhiều mối liên hệ khác nhau**

b. Trong những mối liên hệ chủ yếu nhất

c. Trong những mối liên hệ phức tạp nhất

b - Ans QN=111 Khuynh hướng chung của phát triển là

a. Vận động đi lên theo đường thẳng

**b. Vận động theo đường xoáy ốc**

c. Vận động đi lên theo đường xoáy ốc

a - Ans QN=112 "Kết quả" là phạm trù triết học dùng để chỉ

**a. Những thay đổi do nguyên nhân gây ra**

b. Những thuộc tính do nguyên nhân gây ra

c. Những vấn đề do nguyên nhân gây ra

c - Ans QN=113 Quan điểm lịch sử cụ thể đòi hỏi chúng phải quán triệt nguyên tắc nào sau đây

a. Bảo vệ cái mới, ủng hộ cái mới, đấu tranh cho cái mới

b. Bảo vệ cái cũ, đấu tranh cho cái cũ

**c. Xem xét sự vật gắn với quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và tiêu vong của chúng**

a - Ans QN=114 Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, đứng im là

**a. Vận động trong thăng bằng**

b. Không phải là vận động

c. Vận động đặc biệt

a - Ans QN=115 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong thực tế chúng ta phải

**a. Dựa vào tất nhiên, đề phòng ngẫu nhiên**

b. Dựa vào ngẫu nhiên, đề phòng tất nhiên

c. Dựa vào cả tất nhiên và ngẫu nhiên

a - Ans QN=116 "Nguyên nhân" là phạm trù triết học dùng để chỉ

**a. Những tác động giữa các mặt các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật kia gây ra những biến đổi nhất định.**

b. Những tác động chủ yếu trong thế giới vật chất c. Những tác nhân cơ bản trong thế giới vật chất

b - Ans QN=118 Ngẫu nhiên là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những gì đang tồn tại

**b. Những gì sẽ xuất hiện do nguyên nhân bên ngoài quyết định**

c. Những gì sẽ xuất hiện khi có điều kiện bên trong quyết định

a - Ans QN=122 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự vật vận động và phát triển mang tính

**a. Khách quan** b. Chủ quan c. Duy vật

a - Ans QN=123 Khi xác định tính chất của phạm trù "Cái chung", triết học Mác- Lênin khẳng

định cái chung là cái

**a. Bản chất** b. Hiện tượng c. Cụ thể

b - Ans QN=124 Biện chứng là phương pháp xem xét thế giới trong trạng thái

a. Bất động, bất biến

**b. Luôn vận động, biến đổi và phát triển không ngừng**

c. Đứng im

b - Ans QN=125 Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng, nguyên nhân sinh ra kết quả phải có

a. Tác động **b. Điều kiện** c. Nguyên cớ

c - Ans QN=127 Quan điểm lịch sử cụ thể được rút ra từ nghiên cứu nguyên lý triết học nào sau đây

a. Nguyên lý duy vật lịch sử b. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến **c. Nguyên lý phát triển**

b - Ans QN=130 Cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những sự vật hiện tượng cụ thể

**b. Những thuộc tính tồn tại trong nhiều sự vật hiện tượng**

c. Những sự vật hiện tượng khách quan

a - Ans QN=132 Các định nghĩa sau đây, định nghĩa nào phù hợp nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

**a. Nguyên nhân là phạm trù triết học dùng đề chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật khia tạo ra những biến đổi nhất định**

b. Nguyên nhân là quan hệ giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật khia tạo ra những biến đổi nhất định

c. Nguyễn nhân là sự chuyển hóa giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật kia tạo ra những biến đổi nhất định

c - Ans QN=133 Biện chứng là phương pháp có đặc điểm

a. Thấy cái chung mà không thấy cái riêng

b. Thấy cái riêng mà không thấy cái chung

**c. Vừa thấy cái chung và cái riêng**

a - Ans QN=136 Định nghĩa vật chất của Lênin đã giải quyết đúng đắn vấn đề nào sau đây

**a. Vấn đề cơ bản của triết học**

b. Vấn đề nguyên lý của triết học

c. Vấn đề xuyên suốt của triết học

a - Ans QN=141 "Cái riêng" là phạm trù triết học dùng để chỉ

**a. Những sự vật hiện tượng cụ thể**

b. Những dạng vật chất cụ thể

c. Các phương án trả lời đều sai

a - Ans QN=145 "Cái đơn nhất" là phạm trù triết học dùng để chỉ

**a. Thuộc tính tồn tại duy nhất ở một sự vật**

b. Thuộc tính tồn tại trong nhiều sự vật hiện tượng

c. Những sự vật hiện tượng khách quan

a - Ans QN=146 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự vật khi mới ra đời chúng

tồn tại dưới dạng

**a. Cái đơn nhất**  b. Cái cụ thể c. Cái chung

**CHƯƠNG III**

a - Ans QN=11 Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, nó là quan hệ

**a. Tồn tại chủ quan bởi những người lãnh đạo các cơ sở sản xuất.**

b. Tồn tại chủ quan, bị qui định bởi chế độ chính trị xã hội.

c. Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người.

c - Ans QN=9 Quan điểm nào cho rằng sự phát triển chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về mặt

lượng, không có sự thay đổi về chất

a. Quan điểm duy vật b. Quan điểm duy tâm **c. Quan điểm siêu hình**

a - Ans QN=11 Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, nó là quan hệ

**a. Tồn tại chủ quan bởi những người lãnh đạo các cơ sở sản xuất.**

b. Tồn tại chủ quan, bị qui định bởi chế độ chính trị xã hội.

c. Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người.

c - Ans QN=20 Tác phẩm nào được xem là đánh dấu cho sự chín muồi về tư tưởng xã hội chủ

nghĩa của C.Mác và Ăng-ghen

a. Gia đình thần thánh (1842) b. Hệ tư tưởng Đức (1842) **c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)**

a - Ans QN=21 Phương thức sản xuất bao gồm

**a. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.**

b. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng.

c. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.

b - Ans QN=28 Nguồn gốc lý luận trực tiếp của triết học Mác là

a. Triết học Hy Lạp cổ đại **b. Triết học cổ điển Đức** c. Triết học tây Âu trung cổ

c - Ans QN=29 Triết học do C.Mác và Ph.Ăng-ghen thực hiện là bước ngoặt cách mạng trong sự phát triển của triết học. Biểu hiện vĩ đại nhất của bước ngoặt cách mạng đó là

a. Việc thay đổi căn bản tính chất của triết học, thay đổi căn bản đối tượng của nó và mối quan hệ đối với các khoa học khác.

b. Việc gắn bó chặt chẽ giữa triết học với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động.

**c. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử làm thay đổi hẳn quan niệm của con người về xã hội.**

a - Ans QN=31 Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời dựa trên bao nhiêu tiền đề

**a. Ba tiền đề** b. Bốn tiền đề c. Năm tiền đề d. Sáu tiền đề

b - Ans QN=40 Triết học Mác-Lênin ra đời một phần là kết quả kế thừa trực tiếp từ

a. Thế giới quan duy vật của Hêghen và phép biện chứng của Phơ bách

**b. Thế giới quan duy vật của Phơ bách và phép biện chứng của Hêghen**

c. Thế giới quan duy vật và phép biện chứng của cả Hêghen và Phơ bách

d. Chủ nghĩa duy tâm của Hôn bách và biện chứng pháp của Aristốt

a - Ans QN=44 Ngày nay, yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là

**a. Công cụ lao động** b. Người lao động c. Khoa học - công nghệ.

c - Ans QN=48 Mác đã kế thừa "hạt nhân hợp lý" trong triết học của ông để xây dựng phép biện chứng duy vật. Ông là ai

a. Phơ bách b. Platon **c. Hê ghen**

a - Ans QN=58 Động lực chủ yếu của sự tiến bộ xã hội là

**a. Sự phát triển của lực lượng sản xuất.**

b. Sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học, cãi tiến kỹ thuật.

c. Sự phát triển của các quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế.

a - Ans QN=64 Chủ thể của lịch sử, lực lượng sáng tạo ra lịch sử là

**a. Quần chúng nhân dân.** b. Vĩ nhân, lãnh tụ. c. Tầng lớp trí thức.

a - Ans QN=70 Nền tạng quan hệ giữa các nhân và xã hội là

**a. Lợi ích** b. Pháp luật c. Đạo đức

c - Ans QN=73 Những ý thức lạc hậu tiêu cực không mất đi một cách dễ dàng, là do

a. Thói quen tập quán lâu đời.

b. Ý thức xã hội không phản ánh kịp tồi tại xã hội.

**c. Các phương án trả lời đều đúng**

c - Ans QN=73 Những ý thức lạc hậu tiêu cực không mất đi một cách dễ dàng, là do

a. Thói quen tập quán lâu đời.

b. Ý thức xã hội không phản ánh kịp tồi tại xã hội.

**c. Các phương án trả lời đều đúng**

c - Ans QN=80 Bản chất của con người được quyết định bởi

a. Giáo dục gia đình b. Sự nỗ lực của cá nhân **c. Các quan hệ xã hội**

a - Ans QN=85 Cách mạng xã hội được khái quát bởi

**a. Thay đổi thể chế chính trị xã hội này bằng thể chế chính trị khác**

b. Thay đổi thể chế kinh tế này bằng một thể chế kinh tế khác cao hơn

c. Thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn

a - Ans QN=86 Quan hệ sản xuất là phạm trù dùng để chỉ

**a. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất**

b. Quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất

c. Quan hệ giữa con người sản xuất với người tiêu dùng trong quá trình sản xuất

a - Ans QN=89 Cơ sở hạ tầng của một hình thái kinh tế - xã hội là

**a. Toàn bộ những quan hệ sản xuất tạo thành cơ sở kinh tế của xã hội.**

b. Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất tạo thành cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội.

c. Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất và những con người sử dụng nó để tiến hành các hoạt động xã hội.

a - Ans QN=91 Bản chất của nhà nước là

**a. Cơ quan phúc lợi chung của toàn xã hội**

b. Cơ quan trọng tài thực hiện chức năng phân xử và hòa giải các xung đột xã hội

c. Công cụ thống trị xã hội

a - Ans QN=95 Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là

**a. Quá trình phát triển của lịch sự tự nhiên.**

b. Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của giai cấp cầm quyền.

c. Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của Đảng cầm quyền.

a - Ans QN=96 Ý thức xã hội có tính chất nào sau đây

**a. Tính độc lập tương đối** b. Tính độc lập tuyệt đối c. Tính sáng tạo

a - Ans QN=98 Quan điểm nào dưới đây phù hợp lý nhất

**a. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội của giai cấp**

b. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội

c. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội

a - Ans QN=99 Trong xã hội có giai cấp , ý thức xã hội của các giai cấp có nội dung và hình thức phát triển khác nhau là do

**a. Những điều kiện sinh hoạt vật chất, lợi ích và địa vị của các giai cấp khác nhau**

b. Thói quen khác nhau

c. Sở thích khác nhau

a - Ans QN=100 Đặc trưng chủ yếu của cách mạng xã hội

**a. Sự thay đổi chính quyền nhà nước từ tay giai cấp thống trị đã lỗi thời sang tay giai cấp cách mạng.**

b. Sự thay đổi về cơ cấu, tổ chức hoạt động sản xuất ra của cải vật chất trong xã hội

c. Sự thay đổi về hệ tư tưởng nói riêng và toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội nói chung

a - Ans QN=104 Hạt nhân cơ bản trong quần chúng nhân dân

**a. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất.**

b. Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức bóc lột, đối kháng với nhân dân.

c. Những tầng lớp xã hội khác nhau thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

c - Ans QN=120 Trong xã hội có giai cấp, tính chất kế thừa của ý thức xã hội có gắn với tính

chất giai cấp của nó không

a. Tùy trường hợp cụ thể b. Không kế thừa **c. Có kế thừa**

a - Ans QN=121 Các quan điểm nào sau đây phản ánh đúng nhất nội dung khái niệm phương thức sản xuất.

**a. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra của cải vật chất trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định**

b. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra cơ sở hạ tầng trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định

c. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra kiến trúc thượng tầng trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định

a - Ans QN=128 Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định trong quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thì

**a. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng**

b. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

c. Cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng có vai trò như nhau

a - Ans QN=129 Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời của giai cấp thuộc

**a. Lĩnh vực kinh tế** b. Lĩnh vực văn hóa c. Lĩnh vực xã hội

a - Ans QN=131 Ở xã hội Việt Nam hiện nay

**a. Còn đấu tranh giai cấp** b. Không còn đấu tranh giai cấp c. Các phương án trả lời đều sai

c - Ans QN=137 Đặc điểm của tâm lý xã hội là phản ánh điều kiện sinh sống hàng ngày của con người

a. Không có khả năng vạch ra đầy đủ rõ ràng, sâu sắc, bản chất các mối quan hệ xã hội

b. Một cách trực tiếp và tự phát

**c. Các phương án trả lời đều đúng**

b - Ans QN=142 Nhà nước có

a. Hai đặc trưng **b. Ba đặc trưng**  c. Bốn đặc trưng

a - Ans QN=143 Các quan điểm nào sau đây phản ánh đúng nhất nội dung khái niệm cơ sở hạ tầng.

**a. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử**

b. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ xã hội hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử

c. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ kinh tế hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử

a - Ans QN=144 Đấu tranh giai cấp nhằm

**a. Bảo vệ lợi ích chung cho tất cả các thành viên trong xã hội**

b. Giải quyết xung đột về mặt lợi ích giai cấp.

c. Hòa giải mâu thuẫn giữa các tầng lớp dân cư.

a - Ans QN=147 Ý thức xã hội là phạm trù triết học dùng để chỉ

**a. Toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội**

b. Toàn bộ điều kiện vật chất của xã hội

c. Toàn bộ điều kiện tinh thần của xã hội

a - Ans QN=148 Toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội gọi là

**a. Ý thức xã hội**  b. Tâm lý con người và hệ tư tưởng c. Tinh thần xã hội và hệ tư tưởng

a - Ans QN=149 Trong quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định

**a. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất**

b. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất

c. Cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có vai trò như nhau

a - Ans QN=150 Theo qua điểm của triết học Mác- Lênin, yếu tố nào quyết định trong lực lượng sản xuất

**a. Người lao động** b. Máy móc c. Cả hai phương án đều đúng

a - Ans QN=151 Kiến trúc thượng tầng là phạm trù dùng để chỉ

**a. Toàn bộ quan điểm, tư tưởng hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng**

b. Toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng

c. Toàn bộ các quan hệ kinh tế hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng

a - Ans QN=152 Quan điểm nào dưới đây phù hợp nhất trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nghiên cứu phương thức sản xuất

**a. Lực lượng sản xuất là năng lực sản xuất của con người**

b. Lực lượng sản xuất là năng lực thực tiễn của con người

c. Lực lượng sản xuất là năng lực cải tạo xã hội của con người

a - Ans QN=153 Sản xuất vật chất có vai trò gì đối với xã hội

**a. Quyết định sự tồn tại và phát triển xã hội**

b. Quyết định sự vận động của xã hội

c. Quyết định tính chất và nội dung của xã hội

a - Ans QN=154 Quan điểm nào sau đây phản ánh đầy đủ nội dung khái niệm tồn tại xã hội

**a. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ điều kiện vật chất của xã hội**

b. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ các giá trị tinh thần của xã hội

c. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ các điều kiện sinh hoạt của xã hội

a - Ans QN=155 Lực lượng sản xuất là khái niệm dùng để chỉ

**a. Quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất**

b. Quan hệ giữa người với xã hội trong quá trình sản xuất

c. Quan hệ giữa người sản xuất trong quá trình sản xuất

a - Ans QN=156 Theo quan điểm của Lênin, giai cấp là những tập đoàn người có

**a. Lợi ích căn bản đối lập nhau**

b. Mục tiêu chính trị đối lập nhau

c. Mọi phương án trả lời đều đúng

a - Ans QN=157 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng lịch sử xã hội loài người đã

trải qua bao nhiêu hình thái kinh tế xã hội

a. Bốn hình thái kinh tế xã hội

b. Ba hình thái kinh tế xã hội

c. Năm hình thái kinh tế xã hội

a - Ans QN=158 Tồn tại xã hội gồm ba yếu tố cấu thành đó là

**a. Phương thức sản xuất, điều kiện dân số, điều kiện tự nhiên địa lý**

b. Phương thức sản xuất, phương thức tiêu dùng, phương thức trao đổi hàng hóa

c. Phương thức sản xuất, điều kiện dân số, cơ sở hạ tầng xã hội

a - Ans QN=159 Lực lượng sản xuất là phạm trù dùng để chỉ

**a. Năng lực sản xuất của con người**

b. Năng lực thực tiễn của con người

c. Năng lực cải tạo xã hội của con người

a - Ans QN=160 Quan điểm nào dưới đây phản ánh đầy đủ vai trò của đấu tranh giai cấp trong xã hội phân chia giai cấp

**a. Đấu tranh giai cấp là nguồn gốc và động lực vận động và phát triển xã hội**

b. Đấu tranh giai cấp làm cho mọi xã hội thay đổi

c. Đấu tranh giai cấp làm cho mọi giai cấp phải tự thay đổi

----------------------*nghe giang hồ đồn còn nữa*--------------------------